

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thẩm định kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo
Ngôn ngữ Nhật trình độ đại học
của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế**

HỘI ĐỒNG KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

Căn cứ Thông tư số 38/2013/TT-BGDĐT ngày 29/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về quy trình và chu kỳ kiểm định chất lượng chương trình đào tạo của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 536/QĐ-KĐCLGDTL ngày 06/9/2024 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long về việc kiện toàn nhân sự Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục;

Căn cứ hồ sơ thẩm định kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Ngôn ngữ Nhật trình độ đại học của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế;

Căn cứ kết quả thẩm định của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục phiên họp thứ 17 ngày 15/02/2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông nhất với kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Ngôn ngữ Nhật trình độ đại học của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Đoàn Đánh giá ngoài đã thực hiện đánh giá chất lượng giáo dục chương trình Ngôn ngữ Nhật trình độ đại học của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế đúng quy định hiện hành.

Kết quả đánh giá chất lượng giáo dục chương trình đào tạo Ngôn ngữ Nhật trình độ đại học của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế sau thẩm định là: Số tiêu chí được đánh giá “Đạt” từ 4 điểm trở lên là 44 tiêu chí (chiếm 88%), trong đó mỗi tiêu chuẩn có ít nhất 50% số tiêu chí đạt yêu cầu (Chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này).

Điều 2. Kiến nghị Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế cần thực hiện các nhóm giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục chương trình Ngôn ngữ Nhật trình độ đại học (Chi tiết trong Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này).

Điều 3. Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục đề nghị Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng chương trình đào tạo Ngôn ngữ Nhật trình độ đại học của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng KĐCLGD;
- Trường ĐH Ngoại ngữ, ĐH Huế;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Đường



Phụ lục I

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÔN NGỮ NHẬT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐKĐCLGD ngày 24/02/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 1		3,67	2	66,67
Tiêu chí 1.1	4			
Tiêu chí 1.2	3			
Tiêu chí 1.3	4			
Tiêu chuẩn 2		3,67	2	66,67
Tiêu chí 2.1	4			
Tiêu chí 2.2	3			
Tiêu chí 2.3	4			
Tiêu chuẩn 3		3,67	2	66,67
Tiêu chí 3.1	4			
Tiêu chí 3.2	3			
Tiêu chí 3.3	4			
Tiêu chuẩn 4		4,00	3	100
Tiêu chí 4.1	4			
Tiêu chí 4.2	4			
Tiêu chí 4.3	4			
Tiêu chuẩn 5		3,80	4	80
Tiêu chí 5.1	4			
Tiêu chí 5.2	4			
Tiêu chí 5.3	3			
Tiêu chí 5.4	4			
Tiêu chí 5.5	4			
Tiêu chuẩn 6		3,86	6	85,71
Tiêu chí 6.1	4			
Tiêu chí 6.2	4			
Tiêu chí 6.3	4			
Tiêu chí 6.4	4			
Tiêu chí 6.5	4			
Tiêu chí 6.6	4			
Tiêu chí 6.7	3			

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Đánh giá tiêu chí	Tổng hợp theo tiêu chuẩn		
		Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
Tiêu chuẩn 7		4,00	5	100
Tiêu chí 7.1	4			
Tiêu chí 7.2	4			
Tiêu chí 7.3	4			
Tiêu chí 7.4	4			
Tiêu chí 7.5	4			
Tiêu chuẩn 8		4,20	5	100
Tiêu chí 8.1	4			
Tiêu chí 8.2	4			
Tiêu chí 8.3	4			
Tiêu chí 8.4	5			
Tiêu chí 8.5	4			
Tiêu chuẩn 9		4,00	5	100
Tiêu chí 9.1	4			
Tiêu chí 9.2	4			
Tiêu chí 9.3	4			
Tiêu chí 9.4	4			
Tiêu chí 9.5	4			
Tiêu chuẩn 10		3,83	5	83,33
Tiêu chí 10.1	4			
Tiêu chí 10.2	3			
Tiêu chí 10.3	4			
Tiêu chí 10.4	4			
Tiêu chí 10.5	4			
Tiêu chí 10.6	4			
Tiêu chuẩn 11		4,00	5	100
Tiêu chí 11.1	4			
Tiêu chí 11.2	4			
Tiêu chí 11.3	4			
Tiêu chí 11.4	4			
Tiêu chí 11.5	4			

Mức trung bình	Số tiêu chí đạt	Tỷ lệ số tiêu chí đạt (%)
3,90	44	88



Phụ lục II

KIẾN NGHỊ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÔN NGỮ NHẬT TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ, ĐẠI HỌC HUẾ

(Kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐKĐCLGD ngày 24/02/2025
của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục)

I. NHỮNG ĐIỂM MẠNH NỔI BẬT

Kết quả đánh giá chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) Ngôn ngữ Nhật (NNN) trình độ đại học của Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, giai đoạn 2019 - 2024 cho thấy có những điểm mạnh cần tiếp tục phát huy như sau:

1. Mục tiêu CTĐT NNN được xác định rõ ràng, phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Luật giáo dục đại học, phù hợp tầm nhìn, sứ mạng của Trường. Chuẩn đầu ra của CTĐT được xác định, được công bố công khai, phản ánh được yêu cầu của các bên liên quan, được rà soát, điều chỉnh bao quát các yêu cầu chung và yêu cầu chuyên biệt mà người học cần đạt được sau khi hoàn thành CTĐT.

2. Bản mô tả CTĐT có đầy đủ thông tin và cập nhật; được công bố công khai trên cổng thông tin điện tử của Trường và phổ biến đến sinh viên. Đề cương chi tiết các học phần được rà soát theo kế hoạch của Trường và được phổ biến công khai. Các bên liên quan đều có thể tiếp cận với bản mô tả CTĐT trên website của Trường, thông qua các tài liệu giới thiệu thông tin tuyển sinh về các ngành đào tạo. Giảng viên, người học dễ dàng tiếp cận với đề cương chi tiết các học phần.

3. Chương trình dạy học ngành NNN được thiết kế dựa trên dựa trên các yêu cầu của CDR về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm. Chiến lược giảng dạy và học tập và phương pháp đánh giá được xác định rõ ràng; tổ hợp các phương pháp giảng dạy và học tập, kiểm tra đánh giá các học phần trong chương trình dạy học được xác định. Nội dung các môn học/học phần được lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan. Chương trình dạy học có cấu trúc, trình tự logic; nội dung cập nhật, linh hoạt và có tính tích hợp.

4. Triết lý giáo dục được tuyên bố chính thức, được công bố công khai, phổ biến đến giảng viên, người học và các bên liên quan khác. Các hoạt động dạy học được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra, chiến lược giảng dạy, học tập, giúp sinh viên lựa chọn và sử dụng các phương pháp học tập phù hợp với từng học phần. Các hoạt động dạy và học khuyến khích sinh viên chủ động tự học và khám phá tri thức, thúc đẩy việc rèn luyện các kỹ năng, nâng cao khả năng học tập suốt đời. Sinh viên và cựu sinh viên hài lòng về phương pháp, hoạt động dạy và học được sử dụng trong CTĐT của ngành NNN.

5. Hoạt động đánh giá kết quả học tập của người học được quy định rõ ràng, bao gồm thời gian, hình thức, phương pháp, tiêu chí, trọng số, cơ chế phản hồi và khiếu nại kết quả học tập của người học. Kết quả đánh giá được phản hồi kịp thời để NH cải thiện việc học tập. Sinh viên đều có thể dễ dàng tiếp cận các thông tin

về bảng điểm, kết quả học tập giữa kỳ, cuối kỳ của từng học phần và của toàn khoá học thông qua phần tra cứu điểm trên website của Trường. Các quy định, quy trình về khiếu nại kết quả học tập trước mỗi khóa học/kỳ học/học phần. Việc khiếu nại về kết quả học tập được xử lý, giải quyết kịp thời, thỏa đáng.

6. Đội ngũ giảng viên được quy hoạch và phát triển dựa trên nhu cầu và đáp ứng yêu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Khối lượng công việc của giảng viên được xác định, quy đổi ra số giờ chuẩn theo từng vị trí, chức danh làm cơ sở cho việc đánh giá, xếp loại giảng viên. Năng lực của đội ngũ giảng viên được đánh giá hằng năm theo các quy định. Hoạt động đào tạo bồi dưỡng phát triển chuyên môn của giảng viên được thực hiện theo kế hoạch. Việc được quản trị kết quả công việc được triển khai thực hiện dựa trên các văn bản quy định, đánh giá, phân loại và bình xét thi đua khen thưởng hằng năm. Quy định về các loại hình và số lượng sản phẩm nghiên cứu khoa học mà giảng viên, nghiên cứu viên phải thực hiện được quy định rõ ràng, thuận lợi cho đánh giá, giám sát.

7. Đội ngũ nhân viên phục vụ được quy hoạch theo chiến lược phát triển, quy hoạch nhân lực của đội ngũ nhân viên trong từng giai đoạn. Đội ngũ nhân viên Nhà trường khá ổn định, được phân công hợp lý theo Đề án Vị trí việc làm, đảm bảo về số lượng và chất lượng để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, điều chuyển nhân viên được quy định với các tiêu chí rõ ràng, được phổ biến công khai trên trang thông tin điện tử của Trường và Khoa. Quy trình, công cụ, tiêu chí và các biểu mẫu về đánh giá, xếp loại năng lực đội ngũ nhân viên được quy định đầy đủ; được lấy ý kiến khảo sát của các bên liên quan. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, được phân tích, đánh giá. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhân viên được triển khai thực hiện góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên, đáp ứng tốt hơn cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng. Khối lượng công việc của đội ngũ nhân viên được xác định cụ thể, được đánh giá hiệu quả làm việc, được công nhận và khen thưởng theo kết quả công việc.

8. Các chính sách và quy định về tuyển sinh được xác định rõ ràng trong Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường, được công khai dưới nhiều hình thức khác nhau. Tiêu chí tuyển chọn người học được xác định rõ ràng, lựa chọn nhiều phương thức tuyển chọn khác nhau, có chính sách ưu tiên để thu hút được người học có năng lực về ngoại ngữ theo ngành. Việc theo dõi và đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học được triển khai trong suốt quá trình học tập. Sự tiến bộ trong học tập và rèn luyện của người học được giám sát kịp thời. Việc tra cứu lịch học, lịch thi, kết quả học tập, đăng ký học, đăng ký thi, đăng ký thi cải thiện/trả nợ của sinh viên đều thực hiện đều thực hiện trên trang web đào tạo tín chỉ của Trường, tạo sự thuận lợi và đáp ứng đủ nhu cầu của sinh viên. Các hoạt động tư vấn học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và các dịch vụ hỗ trợ người học được triển khai thực hiện, được đánh giá theo các năm trong giai. Môi trường tâm lý xã hội, cảnh quan của Trường (xanh hoá, đa dạng và chú trọng) tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học và sự thoải mái cho cá nhân người học, được sinh viên đánh giá cao.

9. Nhà trường có hệ thống phòng học, phòng làm việc, hội trường và các phòng chức năng với đầy đủ các trang thiết bị cơ bản đáp ứng yêu cầu học tập và nghiên cứu. Thư viện có các quy định, hướng dẫn sử dụng các dịch vụ, khai thác tài nguyên thư viện; có đủ học liệu theo đề cương học phần của CTĐT; có phần mềm quản lý, theo dõi hoạt động thư viện hiện đại, được cập nhật hằng năm. Hệ thống phòng thực hành tiếng được trang bị đầy đủ các thiết bị đáp ứng yêu cầu của CTĐT. Hệ thống công nghệ thông tin được đầu tư đầy đủ với máy tính, hạ tầng và các phần mềm hỗ trợ có bản quyền, được duy tu, bảo dưỡng và nâng cấp hằng năm phục vụ cho đào tạo, nghiên cứu khoa học, đáp ứng nhu cầu học tập, giảng dạy trực tuyến. Các tiêu chuẩn về môi trường, sức khỏe, an toàn được xác lập theo các quy định hiện hành và được triển khai thực hiện, các năm trong giai đoạn đánh giá được Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đánh giá công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự”.

10. Hệ thống thu thập, xử lý thông tin phản hồi của các bên liên quan được thiết lập phục vụ cho rà soát, thiết kế, phát triển CTĐT. Hoạt động rà soát, đánh giá các phương pháp dạy học, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học nhằm đảm bảo sự tương thích với chuẩn đầu ra được quy định. Giảng viên của Khoa tham gia nghiên cứu khoa học và có một số nghiên cứu ứng dụng vào giảng dạy cũng như cải tiến hoạt động dạy và học. Các dịch vụ hỗ trợ người học được đánh giá và cải tiến góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Cơ chế phản hồi của các bên liên quan được quy định từ Ban giám hiệu đến các cơ quan đơn vị và được đánh giá, cải tiến nhằm nâng cao chất lượng phản hồi của các các bên liên quan.

11. Số liệu về SV tốt nghiệp và thôi học được xác lập, giám sát ở cấp khoa và cấp trường. Nhà trường có nhiều biện pháp tích cực để hỗ trợ người học tốt nghiệp đúng thời hạn. Thông tin về việc làm và thu nhập của sinh viên tốt nghiệp được thu nhập và thống kê hằng năm. Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên hằng năm được quy định rõ ràng, có kế hoạch phân bổ chỉ tiêu đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở cho đối tượng người học theo khoa. Hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học, dịch vụ hỗ trợ giảng viên, người học, cơ sở vật chất được tổ chức bài bản, định kỳ, và được báo cáo chi tiết theo kế hoạch hoạt động bảo đảm chất lượng giáo dục được ban hàng hằng năm.

II. KIẾN NGHỊ

Tuy nhiên, CTĐT còn những điểm tồn tại cần khắc phục (Chi tiết như đã nêu trong Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài). Trên cơ sở hồ sơ thẩm định và kết quả thảo luận tại phiên họp, Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục kiến nghị Nhà trường cần xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng theo 11 nhóm giải pháp sau đây:

1. Phân tích kết quả thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan định kỳ hằng năm để rà soát, điều chỉnh mục tiêu của CTĐT NNN phù hợp với bối cảnh của thị trường lao động, tầm nhìn, sứ mạng Trường đã xác định; rà soát, cân nhắc số lượng các chuẩn đầu ra của CTĐT, diễn đạt lại chuẩn đầu ra, thể hiện rõ mức

năng lực người học cần đạt được của từng chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, mức tự chủ và trách nhiệm.

2. Rà soát, hoàn thiện và cập nhật bản mô tả CTĐT NNN dựa trên sự tổng hợp và đánh giá các ý kiến phản hồi của các bên liên quan; chú trọng đến công tác đối sánh giữa các lần điều chỉnh để có cơ sở xác định những điểm khác biệt và có cơ sở để cải tiến; rà soát nội dung đề cương chi tiết các học phần, đặc biệt là sự tương thích về nội dung học tập, phương pháp giảng dạy và học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá làm cơ sở cho hoạt động đo lường, đánh giá chuẩn đầu ra; thiết kế ma trận chuẩn đầu ra của học phần, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá; đa dạng hoá các phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá trong đề cương chi tiết, đảm bảo tính liên kết giữa nội dung học tập với chuẩn đầu ra của học phần, mục tiêu học phần; tăng cường các nguồn tài liệu mở/cơ sở dữ liệu quốc tế đúng chuyên ngành để đảm bảo tính cập nhật kiến thức cho người học trong bối cảnh hội nhập quốc tế, chuyển đổi số.

3. Định kỳ tổ chức các buổi hướng dẫn hoặc tập huấn cho giảng viên phương pháp thiết kế chương trình dạy học dựa trên chuẩn đầu ra; cách thức đánh giá mức độ tham gia của các học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; cách thức chọn lựa phương pháp giảng dạy, và phương pháp kiểm tra đánh giá để khai thác và vận dụng đa dạng các phương pháp trong chiến lược dạy và học đã ban hành; sử dụng nhiều hơn các phương pháp giảng dạy về case-study, blended, flipped classroom để hướng đến rèn luyện kỹ năng giải quyết tình huống thực tế, năng lực tự học, nghiên cứu của người học.

4. Tổng kết đánh giá hiệu quả các phương thức truyền thông Triết lý giáo dục của Nhà trường đến với từng nhóm đối tượng khác nhau; tăng cường các giải pháp giúp các bên liên quan bên ngoài hiểu rõ, nhất quán và chuyển tải Triết lý giáo dục của Nhà trường vào hoạt động dạy và học của CTĐT; định kỳ tổ chức các buổi hướng dẫn, chia sẻ kinh nghiệm về các phương pháp giảng dạy mới, tổ chức các hoạt động trải nghiệm và ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng hoạt động tổ chức giảng dạy và học của đội ngũ giảng viên đáp ứng chuẩn đầu ra; xây dựng hồ sơ học tập điện tử giúp cho việc theo dõi và đánh giá mức độ tích lũy các hoạt động rèn luyện các kỹ năng, hoạt động ngoại khoá mà người học tham gia giúp nâng cao kỹ năng mềm/chuyên môn cho người học; có các biện pháp nâng cao các hoạt động ngoại khoá, chú ý đến các hoạt động thực tập/trải nghiệm thực tiễn từ năm thứ 2 hoặc chia ra thành nhiều đợt thực tập, tăng cường các khoá kỹ năng mềm cho sinh viên.

5. Rà soát tổ hợp các phương pháp kiểm tra đánh giá để đảm bảo thể hiện đầy đủ các yêu cầu và khả năng đo lường mức độ đạt được chuẩn đầu ra về kỹ năng cũng như mức tự chủ và trách nhiệm; tăng cường tập huấn cho giảng viên sử dụng đa dạng các hình thức đánh giá các học phần/đề tài/dự án/luận văn, luận án/bài thi cuối kỳ/cuối khóa; thực hiện đo lường và phân tích độ giá trị, độ tin cậy của các đề thi, mức độ phù hợp và tương thích của các phương pháp kiểm tra đánh giá được áp dụng trong các học phần; xây dựng quy trình, biện pháp hỗ trợ sinh viên điều chỉnh phương pháp học tập để cải thiện kết quả học tập.

6. Tăng cường theo dõi, giám sát và có chính sách để thực thi kế hoạch quy hoạch đội ngũ; đa dạng nguồn giảng viên giảng dạy để giảm tải khối lượng giảng dạy của giảng viên; nghiên cứu chính sách đặc thù trong tuyển dụng giảng viên của CTĐT để thu hút và giữ chân giảng viên của CTĐT; hoàn thiện phần mềm quản lý nhân sự phục vụ cho quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, giám sát, đánh giá giảng viên, nghiên cứu viên; xây dựng bộ chỉ số đánh giá năng lực để việc thực hiện quản trị kết quả khối lượng và chất lượng công việc; rà soát chính sách thi đua, khen thưởng theo hướng gia tăng khen thưởng cho các công bố khoa học có chất lượng và quy định quy đổi giờ nghiên cứu khoa học sang giờ chuẩn phù hợp hơn.

7. Tăng cường số lượng và chất lượng các khảo sát về nhu cầu, mức độ đáp ứng của đội ngũ nhân viên và sử dụng kết quả khảo sát để phân tích dự báo, quy hoạch; bổ sung chính sách thu hút đủ hấp dẫn trong tuyển dụng và đãi ngộ, truyền thông rộng rãi để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; xây dựng bộ tiêu chí định lượng, để đo lường để đánh giá năng lực đội ngũ nhân viên hỗ trợ một cách đầy đủ và chính xác, công bằng, đúng quy trình; tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ cho đối tượng nhân viên phù hợp với vị trí việc làm và cần phân tích, đánh giá hiệu quả về đào tạo, bồi dưỡng để cải thiện, nâng nghiệp vụ cao hiệu quả cũng như chất lượng đội ngũ nhân viên; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản trị; xây dựng biểu mẫu kế hoạch cá nhân cho nhân viên và có các khảo sát định kỳ về mức độ hài lòng của nhân viên đối với công tác quản lý, đánh giá, xếp loại, thi đua khen thưởng hàng năm dựa trên kết quả công việc.

8. Phân tích/dự báo nhu cầu nhân lực làm cơ sở xây dựng chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm để nâng cao số lượng, chất lượng thí sinh, thu hút sinh viên vào Trường; khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về tiêu chí và phương pháp tuyển chọn người học; tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá, tư vấn tuyển sinh; đối sánh công tác tuyển sinh với trường tương đương nhằm đưa ra được các tiêu chí lựa chọn người học sát với chỉ tiêu của ngành và điều kiện giảng dạy thực tế của Trường; triển khai giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của CVHT và đánh giá chất lượng, hiệu quả đối với các hoạt động tư vấn, hỗ trợ NH; đánh giá hoạt động giám sát của các đơn vị được phân công theo dõi, hướng dẫn và giúp đỡ sinh viên trong các hoạt động học tập, rèn luyện; rà soát, đánh giá hiệu quả các hoạt động ngoại khóa, hoạt động thi đua và hỗ trợ việc làm, chú trọng các hoạt động hỗ trợ sinh viên khởi nghiệp, tạo dựng môi trường/không khí học thuật trong sinh viên; thực hiện lấy ý kiến phản hồi của đầy đủ các bên liên quan về môi trường tâm lý, xã hội và cảnh quan tạo thuận lợi cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu và sự thoải mái cho cá nhân NH.

9. Xây dựng phương án thiết kế để đáp ứng diện tích phòng làm việc của giảng viên, lãnh đạo khoa theo quy định; có chính sách thúc đẩy, khuyến khích phát triển tài liệu nội sinh; biên soạn và ghi rõ giáo trình, tài liệu dành cho CTĐT hoặc mua từ các nhà xuất bản của các tác giả ngoài Trường; tổ chức thẩm định nội dung, phê duyệt giáo trình, tài liệu phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT; rà soát toàn bộ hệ thống giáo trình, tài liệu tham khảo trong đề cương chi tiết để bổ sung, có kế hoạch mua mới và đảm bảo quy định về bản quyền; khai

thác hiệu quả hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý, quản trị và các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học; khai thác tối đa và đẩy mạnh nền tảng số để đáp ứng các yêu cầu các văn bản quy phạm pháp luật được ban hành trong chu kỳ đánh giá; đa dạng hóa các bên liên quan trong việc khảo sát hài lòng về mức độ đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học của hệ thống cơ sở vật chất, trang thiết bị các phòng thực hành tiếng, hệ thống công nghệ thông tin, về môi trường, sức khỏe và an toàn cần, phân định rõ theo từng CTĐT, nội dung khảo sát bám sát các yêu cầu mốc chuẩn và văn bản hiện hành.

10. Lấy ý kiến các chuyên gia, nhà khoa học cùng ngành ở ngoài Trường làm cơ sở rà soát CTĐT; xây dựng và ban hành quy trình thiết kế và phát triển CTĐT và chương trình dạy học phù hợp với Thông tư số 17/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; xây dựng và ban hành quy định về rà soát, đánh giá quy trình thiết kế, phát triển CTĐT và chương trình dạy học và quy định về rà soát hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá; có chính sách khuyến khích giảng viên, người học tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, kết hợp hài hoà nghiên cứu chuyên sâu chuyên ngành với nghiên cứu về phát triển CTĐT, đổi mới phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá kết quả học tập của người học; lấy ý kiến giảng viên đánh giá chất lượng các dịch vụ hỗ trợ Thư viện, phòng thực hành, hệ thống CNTT và các dịch vụ hỗ trợ khác; rà soát, đánh giá thường xuyên và cải tiến cơ chế phản hồi của các bên liên quan, tăng cường sự kết nối và trao đổi thông tin giữa các bên liên quan, nhất là các bên liên quan bên ngoài Trường.

11. Trang bị/cập nhật phần mềm quản lý đào tạo cho phép nhập, thống kê số liệu về sinh viên thôi học, tốt nghiệp hằng năm để hỗ trợ tốt hơn cho công tác quản lý sinh viên; định kỳ rà soát, đánh giá tính hiệu quả của các biện pháp nhằm hỗ trợ sinh viên rút ngắn thời gian tốt nghiệp; xây dựng quy định, hướng dẫn về các loại hình đối với hoạt động nghiên cứu khoa học của người học và các chính sách hỗ trợ kèm theo; tách số liệu khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan theo về chất lượng các hoạt động của đơn vị (khoa, phòng) để có các nhận định, cải tiến sát với thực tế ở mỗi đơn vị.

Trên đây là những kiến nghị của Hội đồng Kiểm định chất lượng giáo dục với 11 nhóm giải pháp, Nhà trường cần nghiên cứu kỹ Báo cáo đánh giá ngoài của đoàn Đánh giá ngoài để xây dựng kế hoạch với những giải pháp cụ thể và triển khai thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo Ngôn ngữ Nhật trình độ đại học của Nhà trường. Sau nửa chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục (vào thời điểm 2,5 năm sau khi được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục), Nhà trường cần có báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng chương trình đào tạo gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục Thăng Long theo quy định hiện hành.